



Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam
Vietnam Pepper Association
Head office: 135A Pasteur. Dist. 3 Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 3823.7288 – 3822.3901. Fax: (84-28) 3822.3901
Email: vpa@peppervietnam.com Website: www.peppervietnam.com

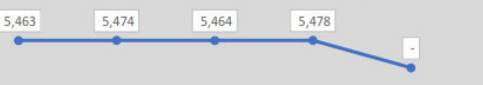
BẢN TIN TUẦN IPC

Số 41/21, 04-08/10/2021

THÔNG TIN NỔI BẬT TRONG TUẦN

01. Thế giới - Thị trường tuần này cho thấy phản ứng trái chiều khi giá Hồ tiêu trong nước của Sri Lanka ghi nhận sự tăng mạnh.
02. Ấn Độ - Giá tiêu đen Malabar tiếp tục cho thấy chiều hướng tích cực.
03. Indonesia - Giá tiêu đen và tiêu trắng ổn định trong tuần này do lượng giao dịch trên thị trường ít.
04. Malaysia - Giá tiêu trong nước và quốc tế của Malaysia tiếp tục giảm trong 3 tuần qua.
05. Sri Lanka - Sau giai đoạn ổn định kể từ giữa tháng 8, giá Hồ tiêu trong nước của Sri Lanka trong tuần này ghi nhận sự tăng mạnh.
06. Việt Nam - Giá tiêu đen và tiêu trắng Việt Nam tiếp tục tăng từ tuần thứ 2 của tháng 9.
07. Thị trường Hoa Kỳ - Giá Hồ tiêu duy trì ổn định và tăng nhẹ do vấn đề về container. Hồ tiêu từ Brazil có giá thấp nhưng khó khăn về việc tìm kiếm container để xuất hàng.
08. Xuất khẩu Hồ tiêu của Bồ Đào Nha (2019-2021).

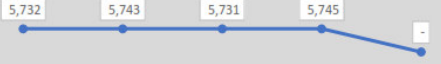
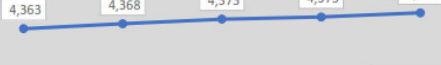
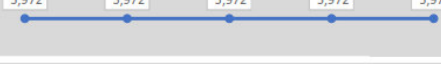
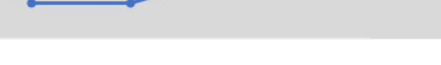
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU ĐEN - USD/tấn

Nguồn		Giá hàng ngày (04-08/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
	Ex-Kochi		5,470 - 5,423	1% ↑
	Ex-Lampung		3,685 - 3,673	0% ↔
	Ex-Kuching		4,615 - 4,827	-4% ↓
	Ex- HCM		3,478 - 3,404	2% ↑
	Sri Lanka		4,082 - 3,640	12% ↑

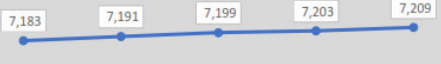
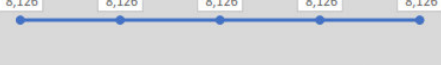
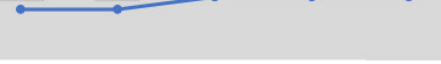
GIÁ ĐỊA PHƯƠNG TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Nguồn	Giá hàng ngày (04-08/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Pangkal Pinang		6,246 - 6,226	0%
 Ex-Kuching		6,777 - 6,974	-3%
 Ex-HCM		5,356 - 5,358	0%
 Ex-Hainan		6,150 - 6,150	0%

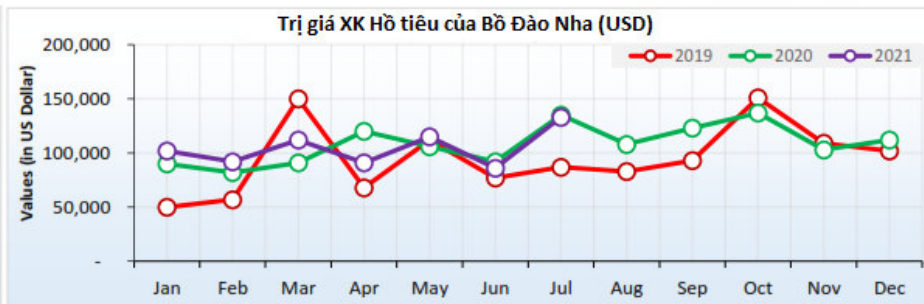
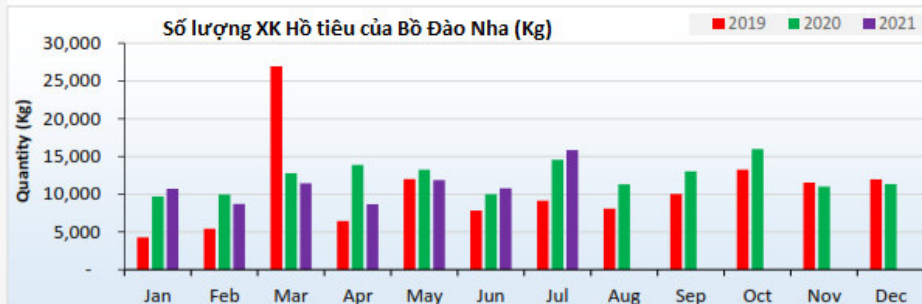
GIÁ FOB TIÊU ĐEN - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (04-08/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Ex-Kochi ASTA		5,378 - 5,693	1%
 Lampung ** ASTA		4,371 - 4,358	0%
 Kuching ASTA		5,972 - 5,982	0%
 Ho Chi Minh 500g/l		4,250 - 4,190	1%
 Ho Chi Minh 550g/l		4,350 - 4,290	1%

GIÁ FOB TIÊU TRẮNG - USD/tấn

Cảng xuất và loại	Giá hàng ngày (04-08/10)	Giá TB Tuần này - Tuần trước	% Thay đổi
 Pangkal Pinang FAQ		7,197 - 7,174	0%
 Kuching ASTA		8,126 - 8,136	-1%
 Ho Chi Minh FAQ		6,250 - 6,190	1%
 Haikou FAQ		6,350 - 6,350	0%

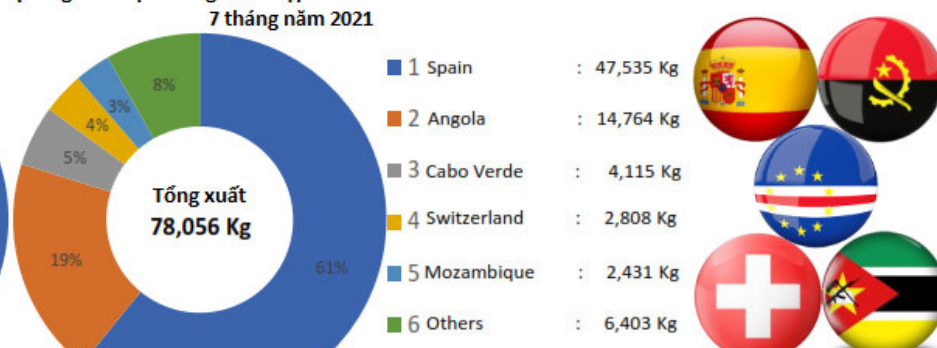
XUẤT KHẨU HỒ TIÊU CỦA BỒ ĐÀO NHA



5 Quốc gia là nhà cung cấp Hồ tiêu lớn của Bồ Đào Nha 7 tháng năm 2021



5 quốc gia là thị trường lớn nhập khẩu Hồ tiêu từ Bồ Đào Nha 7 tháng năm 2021



Tỉ lệ Nhập:Xuất = 4:1

Xuất khẩu Hồ tiêu của Bồ Đào Nha (2019- 2021)		<u>2019</u>	<u>2020</u>	<u>2021*</u>
	Tổng lượng xuất (kg)	126,904	146,790	78,056
	Tổng trị giá xuất ('000 \$)	\$1,139	\$1,299	\$731
	Tiêu hạt	45%	40%	41%
	Tiêu xay	55%	60%	59%
Chênh lệch (%)		n.a	16%	-7%
	Tiêu hạt	\$8.57	\$9.63	\$10.34
	Tiêu xay	\$9.31	\$8.32	\$8.69

* Tính đến tháng 7/2021

GIÁ MUA TẠI NEW YORK (USD/tấn)

LOẠI	GIÁ CF TƯƠNG LAI	
	TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC
Malabar black (Garbled 1)	5,700 CF October	n.a
Lampung black (ASTA)	5,050 CF Oct/Nov/Dec	n.a
Sri Lanka black	n.a	n.a
Brazil black (ASTA)	4,200 FOB	n.a
Sarawak black (YL)	n.a	n.a
Viet Nam black (ASTA)	4,800 CF Oct/Nov	n.a
Muntok white (DW)	n.a	n.a
Muntok white (FAQ)	7,500 CF October	n.a
Sulawesi Soroako white	n.a	n.a
Sarawak white (BL)	n.a	n.a
Viet Nam white (DW)	6,600 CF Oct/Nov	n.a

Tỷ giá /USD	China (CNY)	India (INR)	Indonesia (IDR)	Malaysia (MYR)	Viet Nam (VND)	Sri Lanka (LKR)
Tuần này	6.46	74.68	14,249	4.18	23,806	200.64
Tuần trước	6.47	74.18	14,294	4.19	23,797	200.14